

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XNK LẠNG SƠN

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

**CỦA CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
LẠNG SƠN**

Mã chứng khoán: DXL

Lạng sơn, ngày 08 tháng 04 năm 2025

Phụ lục IV

**CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 40 /BC-DLXNK

Lạng Sơn, ngày 08 tháng 04 năm 2025

**BÁO CÁO
Thường niên năm 2024**

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4900101456
- Vốn điều lệ: 39.579.000.000,
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 39.579.000.000,
- Địa chỉ: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn
- Số điện thoại: 0205 3 814 848
- Số fax:
- Website: www.tocolimexlangson.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): DXL

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: Ngày thành lập: 26/8/2005 theo quyết định của số 1710/QĐ-UBND-KT ngày 26/08/2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lạng Sơn, về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn thành Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là Công ty). Công ty được Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 11/03/2024.

- Các sự kiện khác:

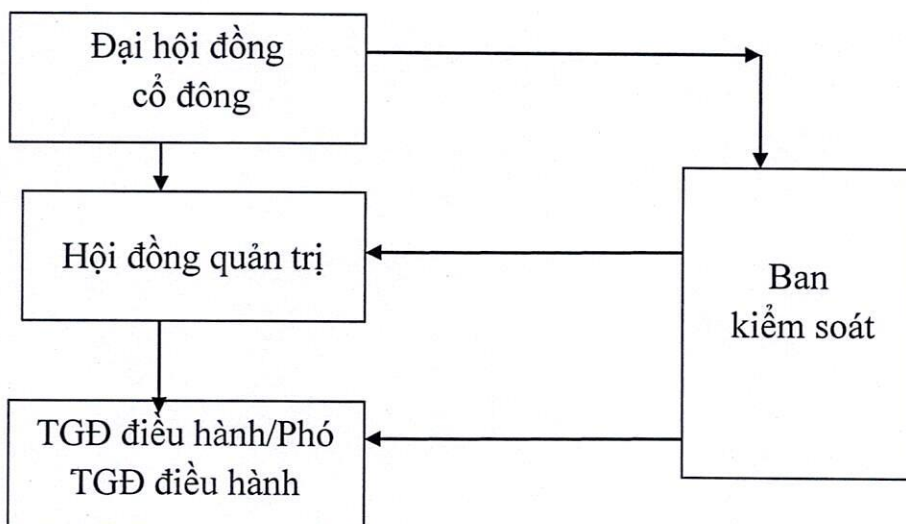
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống, du lịch trong nước và quốc tế; Sản phẩm rượu Mẫu Sơn ...

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý: Cơ cấu bộ máy quản lý được thực hiện và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các luật liên quan và Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung và ban hành theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

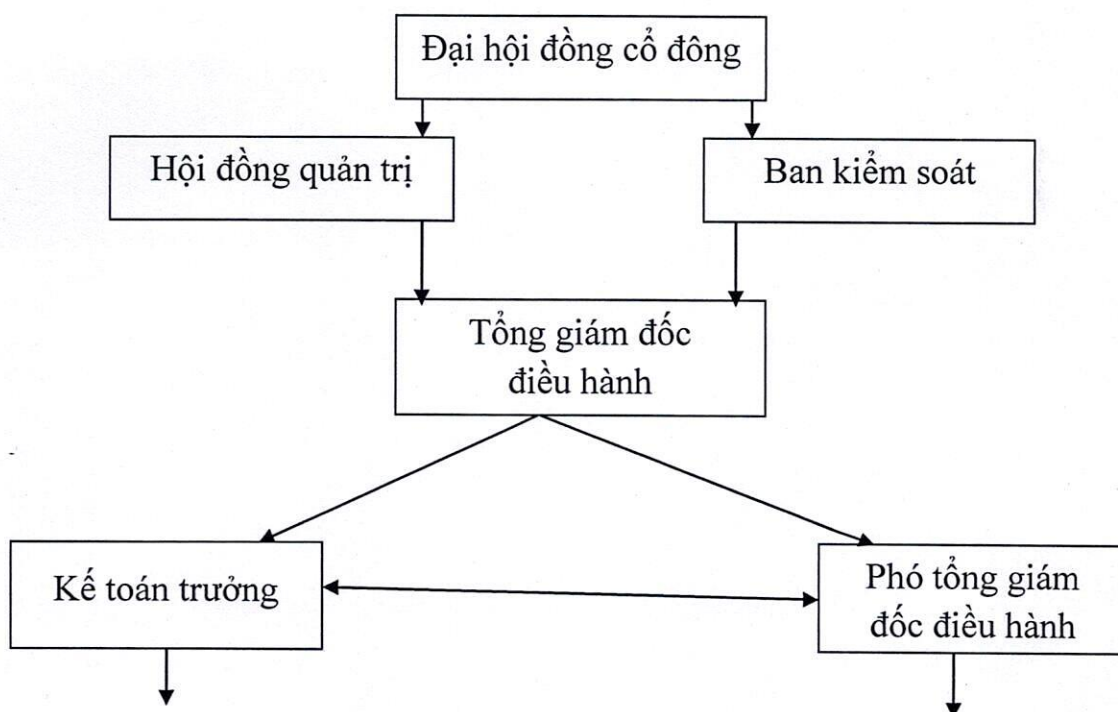
+ Đại hội cổ đông của Công ty là cơ quan cao nhất có thẩm quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo luật định và Điều lệ Công ty.

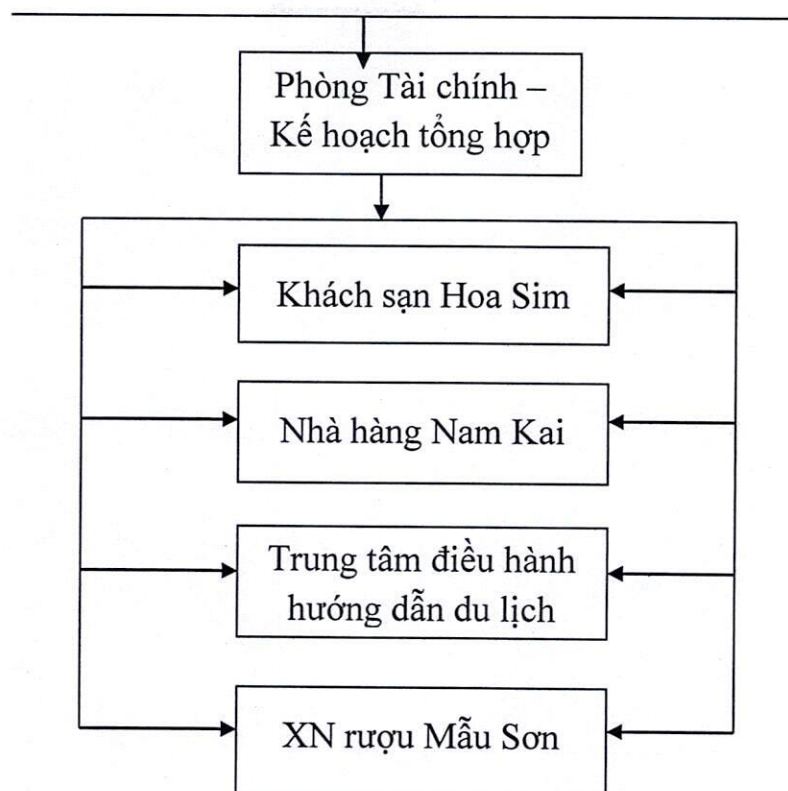
+ Hội đồng quản trị: Do Đại hội đồng cổ đông bầu và là Bộ phận quản lý của Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc Đại hội cổ đông quyết định

+ Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

+ Ban điều hành Công ty gồm: 01 Tổng giám đốc, 01 Phó tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình như sau:





- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, phục vụ, nghiên cứu và đưa ra thị trường các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường. củng cố và phát triển thương hiệu sản phẩm, uy tín và hình ảnh công ty. Nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển thị trường nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, thu nhập cho CBNV người lao động.

+ Quản lý khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của công ty.

+ Quan tâm hơn đến đời sống của CBNV người lao động.

+ Thực hiện đầy đủ các quyền lợi của các cổ đông, tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tiếp nhận thông tin, đóng góp ý kiến, xây dựng công ty, duy trì và bảo toàn vốn cho các cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Phát triển kinh doanh lĩnh vực khách sạn, nhà hàng, SXKD rượu Mẫu Sơn, du lịch dịch vụ lữ hành là mục tiêu hàng đầu của công ty. Công ty tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp tổng nhà hàng Hoa Sim thuộc khách sạn khách sạn Hoa sim thành nhà hàng hiện đại, tiện nghi phục vụ được các loại đối tượng khách hàng; Tiếp tục phát triển thêm các sản phẩm rượu Mẫu Sơn; Củng cố đẩy mạnh thị trường khách du lịch nội địa và quốc tế, liên kết với các công ty lữ hành để đưa khách du lịch đi tham quan du lịch các nước Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Campuchia, singapore, Hàn Quốc, ...

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Công ty tiếp tục tập trung phát triển các dịch vụ khách sạn- nhà hàng, du lịch và sản phẩm rượu Mẫu Sơn là những sản phẩm đã có thương hiệu của Công ty. Thực hiện bảo vệ môi trường bằng việc xử lý rác thải lỏng và rác thải rắn hàng ngày, không để tồn đọng, ủng hộ kinh phí bảo vệ môi trường của thành phố Lạng Sơn, tham gia các hoạt động cộng đồng, từ thiện trong khả năng của doanh nghiệp.

5. Các rủi ro: Kinh doanh sản phẩm rượu nguy cơ gặp rủi ro cao, do rượu là mặt hàng không khuyến khích sử dụng, nhà nước áp thuế cao, khi sử dụng rượu không được lái xe, nên sản phẩm rượu Mẫu Sơn của công ty cũng bị ảnh hưởng về doanh thu.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Lợi nhuận hoạt động kinh doanh năm 2024: - 1.580.667.250 đồng.

Năm 2024 Công ty thực hiện đầu tư, cải tạo nâng cấp tổng thể khách sạn Hoa sim, đầu tư mới các trang thiết bị của khách sạn, sau khi cải tạo xong khách sạn trở nên khang trang, thu hút được khách hàng, công ty cũng mở thêm ngành nghề kinh doanh phụ trợ của khách sạn như cà phê giải khát, massage tạo thành một chuỗi khép đủ ăn uống, ngủ nghỉ và giải trí cho Khách sạn Hoa Sim danh thu cũng tăng theo; mảng kinh doanh rượu Mẫu Sơn đã đưa ra thêm được 01 sản phẩm mới là rượu ba kích đưa ra thị trường, các sản phẩm rượu mẫu sơn của công ty đều được khách hàng đón nhận (nhưng mặt hạn chế của rượu là không khuyến khích sử dụng, thuế tiêu thụ đặc biệt cao, khi uống rượu không điều khiển phương tiện giao thông nên doanh thu chưa cao); mảng kinh doanh du lịch tuy thị trường khách du lịch đã sôi động trở lại, công ty đã xây dựng nhiều tour tuyến du lịch phù hợp với từng đối tượng khách hàng, được khách hàng đón nhận. Tuy nhiên với sự cạnh tranh chưa lành mạnh của các công ty du lịch trên địa bàn Lạng Sơn tự hạ giá, ép giá, những tour du lịch không lợi nhuận đã làm ảnh hưởng đến những công ty du lịch truyền thống không cạnh tranh được về giá, nên hiệu quả chưa cao.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ lương, bảo hiểm cho người lao động theo quy định.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2023	KH 2024	TH năm 2024	% TH/KH
1	Doanh Thu	19.232.470.446	21.894.830.000	19.176.629.836	87,58
2	Chi phí	19.218.558.524	21.094.830.000	20.757.297.086	98,39
3	Lợi nhuận	437.111.034	800.000.000	-1.580.667.250	

Lý do lợi nhuận năm 2024 lỗ, nguyên nhân: Một số chi phí phát sinh chưa được xây dựng trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của công ty, gồm:

+ Chi phí xây dựng dở dang của Khách sạn Hoa Sim đưa vào chi phí do chuyển đổi mục đích từ dự án xây dựng mới Khách Sạn Hoa Sim nay không xây dựng mới mà chỉ cải tạo sửa chữa lớn với số tiền là: 635.490.000 đồng (Năm 2019 Công ty thực hiện thuê khảo sát, thiết kế Khách sạn Hoa Sim để xây dựng phương án xây mới khách sạn Hoa Sim vào năm 2020, tuy nhiên đến năm 2020 dịch bệnh Covid-19 bùng phát kéo dài đến đầu năm 2023 ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh, Hội đồng quản trị quyết định trình đại hội cổ đông không xây mới mà nghiên cứu phương án cải tạo sửa chữa phù hợp với tình hình thực tế của công ty, nên phần kinh phí này chưa được quyết toán những năm trước).

+ Truy thu nộp bổ xung tiền thuê đất tại địa chỉ số 117 Đường Trần Đăng Ninh, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn từ năm 2006 đến hết năm 2024 với tổng số tiền là: 315.300.000 đồng (KS Tam thanh cũ tại 117 Trần Đăng Ninh nằm trong dự án quy hoạch của tỉnh Lạng Sơn từ năm 2005, không cho phép công ty sửa chữa xây dựng mới, tỉnh không thu thuế sử dụng đất, nhưng đến năm 2024, tỉnh lại quyết định thực hiện truy thu thuế sử dụng đất từ năm 2005 đến năm 2024).

+ Ngoài ra năm 2024 Công ty tiến hành cải tạo, nâng cấp tổng thể Khách sạn Hoa Sim và đầu tư mở thêm một số dịch vụ cà phê, massage, công ty giao vốn cho Khách sạn Hoa Sim thực hiện, phần kinh phí phát sinh trên 5.569.000.000đ cũng chưa bổ sung trong kế hoạch kinh doanh năm 2024.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành, tại thời điểm tháng 04/2025:

STT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Địa chỉ Thường trú	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)
1	Nguyễn Kim Thảo	Nữ	1968	Số 77 Đường Ngô Quyền, Phường Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	Chủ tịch HĐQT, Phó tổng giám đốc điều hành	784.301	19,81
2	Đậu Trường Sinh	Nam	1974	Số 551, Đường Hùng Vương, Thôn Mai Thành, Xã Mai Phan, TP Lạng Sơn	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành kiêm giám đốc KS Hoa Sim	558.042 CP	14,09
3	Vũ Mộng Nương	Nữ	1968	Số 36, Đường Lê Hồng Phong, P. Tam Thanh, TP Lạng Sơn	UV HĐQT (không điều hành)	162.897CP	4,11
4	Đỗ Thu Huyền	Nữ	1981	Số 7, Ngõ 2, đường Chu Văn An, P. Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	Trưởng ban kiểm soát	64.843 CP	1,63%
5	Bế Thị Thu Hương	Nữ	1979	Tổ 5, khối 8, Phường Đông Kinh, TP Lạng Sơn	Thành viên ban kiểm soát	500	0,01
6	Nguyễn Mai Thương	Nữ	1994	Số 1 Phùng Chí Kiên, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	Thành viên BKS	106.913CP	2,70%
7	Lê Văn Do	Nam	1974	Chi Mạc, Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn	Kế toán trưởng kiêm TP Tài chính - KHTH	500	0,01

- Những thay đổi trong ban điều hành: Ngày 03/04/2025 Ông Lê Văn Do kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính – KHTH công ty xin nghỉ việc; Ngày 04/04/2025 Hội đồng quản trị Công ty họp và đồng ý giải quyết cho Ông Do nghỉ việc, đồng thời bổ nhiệm Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính – kế hoạch tổng hợp mới là Bà Chu Thị Len.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số cán bộ nhân viên 44 người, việc làm của người lao động ổn định. Người lao động được ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp đầy đủ (trừ lao động là hưu trí thì được trả vào lương), người lao động được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các tổ chức Đảng, công đoàn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm Công ty tiếp tục thực hiện dự án hợp tác kinh doanh với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thảo Viên với dự án Khu dân cư khối 3, Phường Hoàng Văn Thụ với vốn góp là 15.349.160.000đ. Dự án đã kết thúc vào 31/12/2024, công ty đã tiến hành thanh lý hợp đồng hợp tác với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thảo Viên và thu hồi được đầy đủ vốn góp và lợi nhuận theo vốn góp.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	42.538.091.224	44.788.837.667	Giảm 5%
Doanh thu thuần	18.139.864.241	17.727.311.787	Tăng 2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-343.266.701	558.973.950	Giảm
Lợi nhuận khác	16.953.400	1.487.869	Tăng
Lợi nhuận trước thuế	-1.580.667.250	559.073.398	Giảm
Lợi nhuận sau thuế	-1.580.667.250	437.111.034	Giảm
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-399,37	110,44	Giảm
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: Không

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	26.31	19.16	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/</u> Nợ ngắn hạn	24.55	17.62	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.029	0.04	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.02	0.04	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7.54	5.04	
+ Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.42	0.39	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0.07	Lợi nhuận âm
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0.07	Lợi nhuận âm
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		3.15	Lợi nhuận âm

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 22/12/2023 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Báo cáo mua, bán cổ phần của người nội bộ, người có liên quan và cổ đông lớn năm 2024 và báo cáo của cổ đông đến tháng 03/2025, Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến tháng 03/2025 cụ thể như sau:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.957.900 CP.

+ Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.949.570 CP.

+ Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 8.330CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn: 05 cổ đông, nắm giữ 3.390.536 CP chiếm 85,47%

- Cổ đông nhỏ: 116 cổ đông, nắm giữ 567.364 CP chiếm 14,33%

- Cổ đông tổ chức: 02 cổ đông, nắm giữ 73.760 CP chiếm 1,87%

- Cổ đông cá nhân: 119 cổ đông, nắm giữ 3.884.140 CP chiếm 98,13%

- Cổ đông trong nước: 119 cổ đông, nắm giữ 3.884.140CPchiếm 98,13%

- Cổ đông nước ngoài: 02 cổ đông, nắm giữ 73.760CP chiếm 1,87%

- Cổ đông nhà nước: Không

- Cổ đông khác: không

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Năm 2010 chào bán cổ phiếu ra công chúng, số lượng phát hành 268.900 CP, trị giá 2.689.000.000đồng, đối tượng chào bán: cán bộ nhân viên người lao động của công ty, đơn vị cấp Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Năm 2018 chào bán cổ phiếu riêng lẻ, số lượng cổ phiếu phát hành 1.000.000 CP, giá trị 10.000.000.000 đồng, đối tượng chào bán: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh, đơn vị cấp Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn không phát thải khí nhà kính.

Hàng năm các đơn vị chi nhánh sản xuất của công ty đều được công ty môi trường đến kiểm tra, đo mức độ ô nhiễm môi trường ở khu vực hoạt động và đều được đánh giá an toàn, không xảy ra vi phạm.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính: Tổng lượng rượu Mẫu sơn sử dụng để đóng bình: 13.939 lít, Tổng số bình dùng để đóng rượu: 50.509 bình.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng sử dụng chủ yếu là điện thấp sáng, sử dụng điều hòa và các quạt thông gió, quạt điện, bếp từ, tổng số tiền điện là 568.392.000đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn nước công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty cấp thoát nước Lạng Sơn cung cấp. Tổng số tiền nước dùng trong năm: 113.488.000đồng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số lao động của công ty đến thời điểm tháng 04/2025 là: 44 người, mức lương trung bình đạt 5.920.000 đồng/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty thực hiện đúng các quy định của Bộ luật lao động về lao động, tiền lương, việc làm và các chế độ chính sách đối với người lao động, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Người lao động được công ty đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp. Người lao động trực tiếp được khám sức khỏe định kỳ một năm 01 một lần. Các chế độ phúc lợi của người lao động được thực hiện như thăm hỏi khi ốm đau, gia đình gặp khó khăn đột xuất. Trong năm Công ty phối hợp với công đoàn cơ sở tổ chức cho CBNV – người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm, trải nghiệm nhân dịp ngày quốc tế phụ nữ 08/3, tổ chức Tết tất niên.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Công ty thường xuyên thực hiện đào tạo tại chỗ đối với lao động trực tiếp, người lao động được đào tạo tại chỗ 04 ngày/năm

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Trưởng phó các chi nhánh và một số lao động của công ty được cử đi tập huấn về quản lý điều hành và nâng cao tay nghề do Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh tổ chức để phục vụ cho công việc.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty tham gia công tác xã hội và các hoạt động cộng đồng, gồm các hoạt động như: Ủng hộ nông thôn mới và bảo vệ môi trường của Thành phố, ủng hộ kinh phí xây dựng đường kiểm tra cột mốc biên giới, ủng hộ quỹ mái ấm công đoàn, ủng hộ giao lưu bóng chuyền của cụm thi đua, ủng hộ nhân dân Lạng Sơn bị ảnh hưởng của cơn bão số 3, ủng hộ quỹ phòng chống lụt bão... Tổng số tiền ủng hộ là: 30.036.000đ.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

-- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty: Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn hoạt động đa ngành nghề, nhưng các lĩnh vực chính đang thực hiện kinh doanh là dịch vụ khách

sạn – nhà hàng, du lịch lữ hành, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rượu Mẫu Sơn v.v... Ban giám đốc điều hành công ty việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024 được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 đến toàn thể công ty. Công ty đã thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp tổng thể khách sạn Hoa Sim và đầu tư các trang thiết bị mới với chi phí hơn 5 tỷ đồng, đồng thời mở thêm một số nghề kinh doanh mới cả phê giải khát tạo một chuỗi kép ăn uống ngủ nghỉ và giải trí cho khách sạn Hoa Sim, sau khi cải tạo xong khách sạn khang trang và được khách hàng đón nhận, doanh thu cũng tăng lên; Về kinh doanh rượu Mẫu Sơn tập trung đẩy mạnh kinh doanh và đưa ra thị trường được thêm 01 sản phẩm mới (rượu ba kích) được khách hàng đón nhận, tuy nhiên mảng kinh doanh rượu gặp rất nhiều khó khăn, thuế tiêu thụ đặc biệt rất cao, rượu lại là hàng hóa đặc biệt không khuyến khích tiêu thụ và nhà nước có chính sách đã uống rượu bia không lái xe và thổi nồng độ cồn nên trong năm lượng rượu tiêu thụ không cao; Về mảng du lịch đã có nhiều khởi sắc, xây dựng các tour tuyến du lịch phù hợp với từng đối tượng khách hàng, những khách truyền thống vẫn tin cậy sử dụng dịch vụ của công ty, tuy nhiên công ty không thể cạnh tranh được với những tour không đồng, tour giá rẻ của các công ty lữ hành nhỏ lẻ và các cá nhân làm du lịch trên thị trường du lịch Lạng Sơn, nên kết quả kinh doanh cũng chưa khả quan, mặt khác không tuyển được nhân sự quản lý điều hành nên Tổng giám đốc vẫn phải kiêm nhiệm nên chưa phát huy được hết những thế mạnh của du lịch.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Không có

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Tổng tài sản năm 2024 là 42.538.091.224 đồng (Bốn mươi hai tỷ năm trăm ba tám triệu không trăm chín mươi nghìn hai trăm hai tư đồng).

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2024	2023	Chênh lệch
1	Tài sản ngắn hạn	32.541	36.532	
	Trong đó:			
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	26.066	13.419	
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.900	0	
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	2.256	20.036	
	- Hàng tồn kho	2.176	2.930	
	- Tài sản ngắn hạn khác	141	146	
2	Tài sản dài hạn	9.996	8.256	
	Trong đó			
	- Phải thu dài hạn	0	0	
	- Tài sản cố định	3.865	4.986	
	- Tài sản dở dang dài hạn	25	635	
	- Tài sản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
	- Tài sản dài hạn	6.105	2.634	
	Tổng tài sản	42.538	44.788	

Tổng tài sản năm 2024 giảm so với năm 2023: lý do: Kết quả kinh doanh của Công ty năm 2024 lỗ và trong năm công ty xử lý hàng tồn kho của chi nhánh Xí nghiệp rượu Mẫu Sơn.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả của công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 1.236.498.337 đồng (Một tỷ hai trăm ba sáu triệu bốn trăm chín tám nghìn ba trăm ba bảy đồng), trong đó nợ ngắn hạn 1.236.498.337 đồng; nợ dài hạn: không có, không có nợ xấu.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Năm 2024 Công ty không có thay đổi về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty có kế hoạch đầu tư cải tạo, nâng cấp tổng thể Nhà hàng Hoa Sim thuộc khách sạn Hoa Sim thành nhà hàng hiện đại, có thể tổ chức được 100 mâm tiệc một lúc và tiếp tục đầu tư nghiên cứu một số sản phẩm mới về rượu Mầu Sơn và mở rộng thị trường du lịch sang một số nước châu á.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn.

Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn giải trình ý kiến ngoại trừ Báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

- Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Ngày 30/5/2023, Công ty TNHH Thảo Viên thanh toán tiền hợp tác đầu tư cho Công ty là 7,5 tỷ đồng qua tài khoản ngân hàng, cùng ngày này Công ty đã hạch toán giảm 7,5 tỷ đồng trên tài khoản tiền gửi ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Ngày 28/12/2023, Công ty đã hạch toán tăng trên tài khoản tiền gửi ngân hàng, đồng thời giảm tài khoản tiền mặt với giá trị 7,5 tỷ đồng, sau đó gửi tiết kiệm 01 tháng vào ngày 29/12/2023. Ngày 02/01/2024, Công ty hạch toán giảm 7,5 tỷ đồng trên tài khoản tiền gửi ngân hàng, đồng thời hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Ngày 26/01/2024, Công ty TNHH Thảo Viên thanh toán tiền lãi hợp tác đầu tư cho Công ty là 1.475.742.614 đồng qua tài khoản ngân hàng, đồng thời ngày 30/01/2024, Công ty hạch toán giảm 1,5 tỷ đồng trên tài khoản ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Số tiền này chủ yếu được duy trì ở quỹ tiền mặt cả năm 2024.

Ngày 24/12/2024, 30/12/2024, Công ty TNHH Thảo Viên tiếp tục thanh toán tiền hợp tác đầu tư cho Công ty với giá trị lần lượt là 5,5 tỷ đồng và 10 tỷ đồng qua tài khoản ngân hàng, từ ngày 24/12/2024 đến 30/12/2024, Công ty đã sử dụng số tiền 15,5 tỷ đồng này để gửi tiết kiệm. Ngày 02/01/2025, Công ty rút 10,5 tỷ đồng tiền gửi tiết kiệm, đồng thời hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Bằng những thông tin cung cấp từ Công ty, Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các giao dịch nêu trên đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

- Giải trình lý do:

Năm 2024 Công ty vẫn tiếp tục gặp những khó khăn do ảnh hưởng nền kinh tế toàn cầu, lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng hạ thấp, khoản tiền 7,5 tỷ VNĐ và khoản tiền 1,5 tỷ VNĐ Công ty rút về quỹ tiền mặt. Trong năm 2024 Công ty cần một lượng tiền mặt lớn để nhập nguyên liệu rượu của bà con xã Công Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn để gia công lại sản xuất rượu cao độ, cho ra sản phẩm mới. Tuy nhiên kế hoạch không thực hiện được, hiện tại tiền vẫn nằm tại quỹ của Công ty.

Ngày 24/12/2024, 30/12/2024, Công ty TNHH Thảo Viên tiếp tục thanh toán tiền hợp tác đầu tư cho Công ty với giá trị lần lượt là 5,5 tỷ đồng và 10 tỷ đồng qua tài khoản ngân hàng, từ ngày 24/12/2024 đến 30/12/2024, Công ty đã sử dụng số tiền 15,5 tỷ đồng này để gửi tiết kiệm. Ngày 02/01/2025, Công ty rút 10,5 tỷ đồng tiền gửi tiết kiệm. Việc rút tiền về quỹ tiền mặt của chúng tôi chỉ mục đích thanh toán các khoản thanh toán tiền hàng.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải...)

Công ty thực hiện kinh doanh chính là khách sạn, nhà hàng, sản xuất sản phẩm rượu Mầu Sơn từ nguyên liệu rượu bà con Xã Công Sơn đã trung cất, những ngành nghề dịch vụ yêu cầu vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm cao, nên công ty rất chú trọng và được đưa lên hàng đầu và

thực hiện nghiêm túc. Định kỳ các cơ quan chức năng đến đo đạc về chỉ số an toàn môi trường nơi làm việc và đều đạt kết quả tốt. Công ty thực hiện thu gom rác thải và để đúng nơi quy định. Trong năm công ty không bị xử phạt vi phạm môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Chế độ của người lao động được Công ty thực hiện đúng các quy định của Bộ luật lao động và Luật bảo hiểm xã hội hiện hành. Người lao động tuyển mới đều được ký hợp đồng lao động, Các chế độ về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ phép, nghỉ lễ tết, tiền lương được công ty thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, lao động được công ty đóng các chế độ như BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm TNL-BNN đầy đủ. Người lao động có việc làm và thu nhập ổn định, chế độ và lương thưởng đều thực hiện đúng quy định. Người lao động được tạo điều kiện tham gia tổ chức đảng, tổ chức công đoàn. Người lao động được thăm hỏi khi ốm đau, gia đình có việc hiếu cả vật chất lẫn tinh thần, Công ty phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức cho người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm, trải nghiệm nhân dịp ngày quốc tế phụ nữ 8/3, tổ chức tặng quà cho con của CBNV – người lao động công ty nhân ngày Tết thiếu nhi 1/6 và Tết Trung thu ...

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty tham gia công tác xã hội và các hoạt động cộng đồng, gồm các hoạt động như:

Công ty tham gia công tác xã hội và các hoạt động cộng đồng, gồm các hoạt động như: Ủng hộ nông thôn mới và bảo vệ môi trường của Thành phố, ủng hộ kinh phí xây dựng đường kiểm tra cột mốc biên giới, ủng hộ quỹ mái ấm công đoàn, ủng hộ giao lưu bóng truyền của cụm thi đua, ủng hộ nhân dân Lạng Sơn bị ảnh hưởng của cơn bão số 3, ủng hộ quỹ phòng chống lụt bão... Tổng số tiền ủng hộ là: 30.036.000đ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Về nhân sự của Hội đồng quản trị không thay đổi; Hội đồng quản trị tiếp tục bổ nhiệm lại Ông Đậu Trường Sinh giữ chức vụ Tổng giám đốc điều hành công ty kể từ ngày 14/12/2024 (thời hạn bổ nhiệm là 05 năm)

- Về sản xuất kinh doanh: Hội đồng quản trị đã quyết định phê duyệt đầu tư nâng cấp cải tạo tổng thể Khách sạn Hoa Sim và mua mới các trang thiết bị, nội thất của khách sạn, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng hiện nay, giao cho Tổng giám đốc công ty thực hiện. Khách sạn đã cải tạo xong từ giữa tháng 6/2024 và đi vào hoạt động, thu hút được nhiều khách hàng. Công ty đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh khách sạn, nhà hàng, du lịch và rượu Mầu Sơn, Công ty cũng mở thêm một số ngành nghề kinh doanh như cà phê giải khát, tiếp tục hợp tác kinh doanh với những tìm đối tác tiềm năng, đem lại doanh thu cho công ty.

Tuy nhiên kết quả kinh doanh không đạt, nguyên nhân do các chi phí phát sinh trong năm 2024 chưa đưa vào kế hoạch kinh doanh năm 2024 của công ty (như đã trình bày ở mục 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh)

- Về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, rác thải đều được thu gom xử lý đúng quy định, trong năm không bị xử lý vi phạm về môi trường. Đối với công tác xã hội Công ty tham gia các hoạt động cộng đồng, từ thiện do địa phương tổ chức. Tổng số tiền đóng góp cho các hoạt động cộng đồng là: 30.036.000đ đồng...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2024 Ban giám đốc điều hành công ty đã tổ chức điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp. Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. Chủ động đề xuất các giải pháp thúc đẩy hoạt động kinh doanh với Hội đồng quản trị; triển khai đầy đủ kế hoạch kinh doanh và có các giải pháp để cùng Trưởng các chi nhánh triển khai, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, chủ động mở thêm hình thức kinh doanh mới, tuyển dụng kỹ thuật có tay nghề cao phục vụ cho

nhà hàng, nghiên cứu đưa ra thị trường sản phẩm rượu mới. Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động, không nợ đọng ngân sách, đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho người lao động, tập thể cán bộ nhân viên người lao động đoàn kết.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tổ chức các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị hoặc họp bất thường để đưa ra các chiến lược định hướng phát triển công ty. Hàng quý đánh giá hoạt động điều hành của Ban giám đốc và các chi nhánh trực thuộc để kịp thời đưa ra các định hướng kinh doanh phù hợp, hoàn thành tốt kế hoạch đề ra

Thực hiện đúng chế độ thông tin báo cáo, thông tin minh bạch, công khai tình hình quản trị công ty cho các cổ đông, cho nhà đầu tư và các cơ quan chức năng, đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông.

Chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, thực hiện chính sách tiết kiệm, giảm chi phí không phù hợp.

Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh lao động. Giữ gìn môi trường Xanh – Sạch – Đẹp; tham gia các hoạt động cộng đồng và xã hội do địa phương tổ chức.

Xây dựng phương án đầu tư nâng cấp, cải tạo tổng thể Nhà hàng Hoa Sim thuộc khách sạn Hoa Sim, kinh phí dự kiến trên 20 tỷ, đề trình đại hội đồng cổ đông thông qua.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Thành viên hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2024 và đến thời điểm báo cáo:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT	784.301	19,81	- Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH Thảo Viên; Giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại Thảo Linh Lạng Sơn - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn
2	Đậu Trường Sinh	Ủy viên HĐQT	558.042 CP	14,09	Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	162.897CP	4,11%	Thành viên không điều hành (Thành viên HĐQT của công ty TNHH Thảo Viên)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ thành tháng, quý theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. Các cuộc họp đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, thảo luận đảm bảo tính nghiêm túc và trách nhiệm. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp đầy đủ và có tính trách nhiệm cao. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng chức năng, quyền hạn phù hợp với nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và đúng quy định của pháp luật.

Năm 2024 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 09 cuộc họp, các cuộc họp đều lập thành biên bản và ban hành nghị quyết, quyết định để chỉ đạo các nội dung thuộc chức trách và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời đánh giá giá sát hoạt động của Ban tổng giám đốc.

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Ngày	Nội dung	Số Nghị quyết/Quyết định
1	29/02/2024	Biên bản họp xem xét phê duyệt cán bộ xin nghỉ việc và phân công kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm ĐHHD du lịch và giao vốn cho Trung tâm ĐHHD du lịch	02/BB-HĐQT
2	04/03/2024	Nghị quyết phân công Tổng giám đốc Đậu Trường Sinh kiêm Giám đốc Trung tâm ĐHHD du lịch	03/NQ-HĐQT
3	04/03/2024	Quyết định phân công Tổng giám đốc Đậu Trường Sinh kiêm Giám đốc Trung tâm ĐHHD du lịch	04/QĐ-HĐQT
4	09/4/2024	Biên bản họp chốt danh sách cổ đông, nội dung và ra hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	05/BB-HĐQT
5	09/04/2024	Nghị quyết v/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	06/NQ-HĐQT
6	09/4/2024	Quyết định v/v thành lập Ban tổ chức, Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	07/QĐ-HĐQT
7	26/04/2024	Biên bản họp xem xét sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Khách sạn Hoa Sim	08/BB-HĐQT
8	26/04/2024	Nghị quyết phê duyệt sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Khách sạn Hoa Sim	09/NQ-HĐQT
9	27/04/2024	Nghị quyết v/v xử lý chi phí xây dựng dở dang của Khách sạn Hoa Sim	09a/NQ-HĐQT
10	17/5/2024	Biên bản họp v/v chốt thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và thông qua các nội dung của Đại hội	10/BB-HĐQT
11	14/6/2024	Biên bản họp v/v xem xét đề xuất chuyển Quỹ đầu tư và phát triển để bù đắp tổn thất hàng hoá của Xí nghiệp rượu Mẫu Sơn	12A/BB-HĐQT
12	14/6/2024	Nghị quyết v/v sử dụng Quỹ đầu tư và phát triển để bù đắp tổn thất hàng hoá của Xí nghiệp rượu Mẫu Sơn	12B/NQ-HĐQT
13	20/09/2024	BB họp Hội đồng quản trị v/v phê duyệt cải tạo và cấp bổ sung vốn cho Khách sạn Hoa Sim	17/BB-HĐQT
14	20/09/2024	Nghị quyết HĐQT v/v phê duyệt cải tạo và cấp bổ sung vốn cho KS Hoa Sim để sửa chữa cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất khách sạn Hoa Sim	18/NQ-HĐQT
15	30/11/2024	BB họp HĐQT v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính công ty năm 2024	19/BB-HĐQT
16	30/11/2024	Nghị quyết lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính công ty năm 2024.	20/NQ-HĐQT
17	14/12/2024	BB họp v/v tái bổ nhiệm Tổng giám đốc Điều hành Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn nhiệm kỳ 05 năm	21/BB-HĐQT
18	16/12/2024	Nghị quyết v/v Tái bổ nhiệm Ông Đậu Trường Sinh giữ chức vụ Tổng Giám đốc điều hành Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn	22/NQ-HĐQT
19	16/12/2024	Quyết định v/v Tái bổ nhiệm Ông Đậu Trường Sinh giữ chức vụ Tổng Giám đốc điều hành Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn	23/QĐ-HĐQT
20	20/12/2024	BB họp HĐQT v/v phê duyệt kết quả xét phân loại lao động, thi đua khen thưởng năm 2024.	24/BB-HĐQT

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết(%)	Ghi chú
1	Đỗ Thu Huyền	Trưởng ban kiểm soát	64.843	1,63	
2	Bế Thị Thu Hương	Ủy viên ban kiểm soát	500	0,01	
3	Nguyễn Mai Thương	Ủy viên ban kiểm soát	106.913	2,7	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Năm 2024 Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Ban theo quy định như:

- Giám sát tình hình hoạt động của Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn. Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức trách, nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động kinh doanh của Tổng giám đốc Công ty, cụ thể:

+ Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

+ Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc.

+ Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán được thực hiện bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam.

+ Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý tài chính, đầu tư, điều hành kinh doanh và tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- Trong năm Ban Kiểm Soát đã tổ chức 02 cuộc họp, bao gồm thẩm định báo cáo tài chính năm 2023, thông qua dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát trình đại hội thường niên năm 2024; giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và giám sát quản lý điều hành của Ban giám đốc. Ban kiểm soát được tham gia đầy đủ các cuộc họp cùng Hội đồng quản trị (như nêu tại mục c.1.V)

Ban kiểm soát hoạt động đúng quy định của Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích đến thời điểm 31/12/2024:

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương và các khoản phụ cấp	Thưởng	Thù lao	Lợi ích	Cộng
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT kiêm phó tổng giám đốc	160.184.618		36.000.0000	0	196.184.618
2	Đậu Trường Sinh	UV HĐQT, Phó tổng giám đốc, thư ký công ty, kiêm giám đốc KS Hoa Sim	232.876.985		30.000.000		262.876.985

3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	0		30.000.000		30.000.000
4	Đỗ Thu Huyền	Ủy viên BKS	0		21.600.000		21.600.000
5	Bê Thị Thu Hương	Ủy viên BKS	125.342.310		18.000.000		143.342.310
6	Nguyễn Mai Thương	Ủy viên BKS	0		18.000.000		18.000.000
7	Lê Văn Do	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng TCKT	228.785.061		0		228.785.061
	Tổng cộng		747.188.974		153.600.000	0	900.788.974

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn:

Trong năm 2024 cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn thực hiện giao dịch mua, bán cổ phần như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ/người có liên quan	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Nguyễn Thị Tú Oanh	Cổ đông lớn	1.000.000	25,27	1.145.000	28,93	Mua CP

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện chế độ thông tin báo cáo cơ quan chức năng định kỳ hoặc đột xuất, thực hiện công bố thông tin bất thường, định kỳ trên trang điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và trên trang điện tử của Công ty kịp thời, đúng quy định.

VI. Báo cáo tài chính

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Ngày 30/5/2023, Công ty TNHH Thảo Viên thanh toán tiền hợp tác đầu tư cho Công ty là 7,5 tỷ đồng qua tài khoản ngân hàng, cùng ngày này Công ty đã hạch toán giảm 7,5 tỷ đồng trên tài khoản tiền gửi ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Ngày 28/12/2023, Công ty đã hạch toán tăng trên tài khoản tiền gửi ngân hàng, đồng thời giảm tài khoản tiền mặt với giá trị 7,5 tỷ đồng, sau đó gửi tiết kiệm 01 tháng vào ngày 29/12/2023. Ngày 02/01/2024, Công ty hạch toán giảm 7,5 tỷ đồng trên tài khoản tiền gửi ngân hàng, đồng thời hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Ngày 26/01/2024, Công ty TNHH Thảo Viên thanh toán tiền lãi hợp tác đầu tư cho Công ty là 1.475.742.614 đồng qua tài khoản ngân hàng, đồng thời ngày 30/01/2024, Công ty hạch toán giảm 1,5 tỷ đồng trên tài khoản ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Số tiền này chủ yếu được duy trì ở quỹ tiền mặt cả năm 2024.

Ngày 24/12/2024, 30/12/2024, Công ty TNHH Thảo Viên tiếp tục thanh toán tiền hợp tác đầu tư cho Công ty với giá trị lần lượt là 5,5 tỷ đồng và 10 tỷ đồng qua tài khoản ngân hàng, từ ngày 24/12/2024 đến 30/12/2024, Công ty đã sử dụng số tiền 15,5 tỷ đồng này để gửi tiết kiệm. Ngày 02/01/2025, Công ty rút 10,5 tỷ đồng tiền gửi tiết kiệm, đồng thời hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Bằng những thông tin cung cấp từ Công ty, Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các giao dịch nêu trên đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 25/3/2024 đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về các giao dịch thanh toán tiền hợp tác đầu tư và tiền lãi hợp tác đầu tư trong năm 2023 và đến hết ngày 30/1/2024 giữa Công ty TNHH Thảo Viên và Công ty.

Ngô Bá Duy

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Thu Hằng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3744-2021-034-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32,541,973,067	36,532,787,356
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	26,066,730,488	13,419,162,771
1	Tiền	111		9,566,730,488	13,419,162,771
2	Các khoản tương đương tiền	112		16,500,000,000	-
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,900,000,000	-
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	1,900,000,000	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,256,492,542	20,036,816,217
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	630,399,000	967,750,994
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	33,000,000	70,602,000
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	-	869,253,000
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	1,593,093,542	18,129,210,223
IV	Hàng tồn kho	140		2,176,775,288	2,930,518,867
1	Hàng tồn kho	141	V.7.	2,176,775,288	2,930,518,867
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		141,974,749	146,289,501
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	28,749,291	-
2	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	113,225,458	146,289,501
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9,996,118,157	8,256,050,311
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		3,865,774,424	4,986,321,132
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	3,865,774,424	4,986,321,132
-	Nguyên giá	222		26,605,592,005	26,605,592,005
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22,739,817,581)	(21,619,270,873)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	-	-
-	Nguyên giá	228		97,500,000	97,500,000
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97,500,000)	(97,500,000)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		25,000,000	635,490,455
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10.	25,000,000	635,490,455
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		6,105,343,733	2,634,238,724
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	6,105,343,733	2,634,238,724
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		42,538,091,224	44,788,837,667

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C	NỢ PHẢI TRẢ	300		1,236,498,337	1,906,577,788
I	Nợ ngắn hạn	310		1,236,498,337	1,906,577,788
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	60,846,943	412,719,440
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	18,000,000	63,252,000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	341,294,339	452,552,688
4	Phải trả người lao động	314		141,979,235	90,844,955
5	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16.	217,575,758	217,424,243
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	82,852,471	224,734,871
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		373,949,591	445,049,591
II	Nợ dài hạn	330		-	-
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41,301,592,887	42,882,259,879
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	41,301,592,887	42,882,259,879
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		39,579,000,000	39,579,000,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39,579,000,000	39,579,000,000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418		2,590,124,234	3,395,147,734
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(867,531,347)	(91,887,855)
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(91,887,855)	(528,998,889)
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(775,643,492)	437,111,034
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		42,538,091,224	44,788,837,667

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Văn Do



Lê Văn Do



Đậu Trường Sinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	18,139,864,241	17,727,311,787
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		18,139,864,241	17,727,311,787
	(10=01-02)				
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	16,415,850,107	14,780,095,741
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,724,014,134	2,947,216,046
	(20=10-11)				
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1,019,812,195	1,503,670,790
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.6.	48,790,387	884,615,271
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	3,038,302,643	3,007,297,615
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(343,266,701)	558,973,950
	{30=20+(21-22)-(25+26)}				
11.	Thu nhập khác	31	VI.4.	16,953,400	1,487,869
12.	Chi phí khác	32	VI.5.	1,254,353,949	1,388,421
13.	Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(1,237,400,549)	99,448
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1,580,667,250)	559,073,398
	(50=30+40)				
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	-	121,962,364
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1,580,667,250)	437,111,034
	(60=50-51-52)				
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9.	(399.37)	110.44

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Lê Văn Do

Kế toán trưởng



Lê Văn Do

Tổng Giám đốc



Đặng Trường Sinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		20,244,328,594	18,820,366,615
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(17,929,417,181)	(13,425,174,605)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(2,619,731,751)	(4,122,007,719)
4.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(145,317,821)	(102,498,432)
5.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3,018,360,861	3,259,291,657
6.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6,545,123,515)	(5,058,096,885)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3,976,900,813)	(628,119,369)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(25,000,000)	(869,253,000)
2.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3,600,000,000)	-
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,569,253,000	-
4.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		16,276,691,592	7,500,000,000
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,522,273,938	27,928,176
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16,743,218,530	6,658,675,176
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(16,000,000)
2.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(118,750,000)	(342,208,998)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(118,750,000)	(358,208,998)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		12,647,567,717	5,672,346,809
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13,419,162,771	7,746,815,962
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	26,066,730,488	13,419,162,771

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Văn Do



Lê Văn Do



Trần Trường Sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn theo Quyết định số 1710/QĐ- UBND-KT ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/3/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 11/3/2024.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 11/3/2024 thì vốn điều lệ của Công ty là **39.579.000.000 đồng** (Ba mươi chín tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là DXL.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực Nhà hàng, khách sạn; Dịch vụ Du lịch lữ hành; Sản xuất rượu.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi trường lao động, việc làm;
- Bán buôn thực phẩm.

Trụ sở Công ty tại: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên	Địa chỉ
1. Trung tâm điều hành hướng dẫn du lịch - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
2. Khách sạn Hoa Sim - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
3. Xí nghiệp Rượu Mẫu Sơn - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn	Số 126, đường Bắc Sơn, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Lạng Sơn, Lạng Sơn
4. Nhà hàng Nam Kai - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (*)	Số 53 Lương Văn Chi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

(*) Đang tạm ngừng kinh doanh từ ngày 04/10/2024 đến ngày 03/10/2025 theo Thông báo số 86-TB/DLXNK ngày 17/10/2024 của Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 49 người (tại ngày 31/12/2023: 54 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền trong trường hợp là hàng hóa và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

5.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải	05 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm quản lý

Chương trình phần mềm

Nguyên giá của phần mềm quản lý là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí sửa chữa Khách sạn Hoa Sim, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí sửa chữa: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê địa điểm kinh doanh; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê mặt bằng, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán rượu, cung cấp dịch vụ nhà hàng, khách sạn và du lịch.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty áp dụng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 65% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ cồn trở lên.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

14. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo lĩnh vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh cung cấp dịch vụ khách sạn và chủ yếu được phân phối trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền	9,566,730,488	13,419,162,771
Tiền mặt	8,825,020,769	3,447,629,436
Tiền gửi ngân hàng	741,709,719	9,971,533,335
Các khoản tương đương tiền	16,500,000,000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn (*)	16,500,000,000	-
Cộng	26,066,730,488	13,419,162,771

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 16.500.000.000 đồng, lãi suất 4,6%/năm, kỳ hạn 1 tháng, lãi trả cuối kỳ.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn (*)	1,900,000,000	1,900,000,000	-	-
Cộng	1,900,000,000	1,900,000,000	-	-

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn, lãi suất 4%/năm, lãi trả cuối kỳ

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Sở lao động thương binh XH tỉnh Lạng Sơn	100,980,000	-	230,085,000	-
Hội chữ thập đỏ Lạng Sơn	-	-	58,400,000	-
Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	-	-	47,920,000	-
Bệnh viện Y học cổ truyền Lạng Sơn	-	-	42,000,000	-
Ban tuyên giáo tỉnh uỷ Lạng Sơn	44,850,000	-	-	-
Đoàn Nghệ Thuật Dân Tộc Tỉnh Lạng Sơn	72,550,000	-	-	-
Các đối tượng khác	412,019,000	-	589,345,994	-
Cộng	630,399,000	-	967,750,994	-

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty CP Đầu tư du lịch Eurowindow Nha Trang	-	40,602,000
Đối tượng khác	33,000,000	30,000,000
Cộng	33,000,000	70,602,000

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Bà Đỗ Thu Vân	-	-	869,253,000	-
Cộng	-	-	869,253,000	-

6. Phải thu khác

	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Phải thu khác	793,093,542	-	17,709,210,223	-
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt nguyên liệu rượu đầu vào</i>	747,085,103	-	865,909,451	-
<i>Công ty TNHH Thảo Viên (*)</i>	-	-	16,825,161,774	-
<i>Đối tượng khác</i>	46,008,439	-	18,138,998	-
Ký cược, ký quỹ (**)	800,000,000	-	420,000,000	-
Cộng	1,593,093,542	-	18,129,210,223	-

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 35/HĐHTKD ngày 31/12/2020 giữa Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và Công ty TNHH Thảo Viên về việc xây dựng dự án khu dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn; thời gian hợp tác là 2 năm từ ngày 31/12/2020 đến ngày 31/12/2022; lợi nhuận cố định là 8%/năm không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án. Ngày 23/12/2023, hai bên đã ký Phụ lục hợp đồng số 14/HĐHTKD gia hạn thời gian góp vốn đến ngày 31/12/2024. Số dư tại ngày 31/12/2023 bao gồm khoản tiền đầu tư gốc và lợi nhuận mà Công ty TNHH Thảo Viên phải thanh toán cho Công ty. Công ty đã thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thảo Viên theo Thanh lý hợp đồng Hợp tác đầu tư ngày 31/12/2024.

(**) Ký quỹ các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn với tổng số tiền 800.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,2%/năm và 6,9%/năm.

b) Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

7. Hàng tồn kho

	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1,719,871,727	-	2,425,617,409	-
Thành phẩm	422,132,626	-	462,178,078	-
Hàng hóa	34,770,935	-	42,723,380	-
Cộng	2,176,775,288	-	2,930,518,867	-

8. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư ngày 01/01/2024	20,782,267,729	3,802,159,266	1,911,165,010	110,000,000	26,605,592,005
Số dư ngày 31/12/2024	20,782,267,729	3,802,159,266	1,911,165,010	110,000,000	26,605,592,005
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư ngày 01/01/2024	17,338,480,312	2,719,817,948	1,450,972,613	110,000,000	21,619,270,873
Khấu hao trong năm	702,730,197	255,528,195	162,288,316	-	1,120,546,708
Số dư ngày 31/12/2024	18,041,210,509	2,975,346,143	1,613,260,929	110,000,000	22,739,817,581
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01/01/2024	3,443,787,417	1,082,341,318	460,192,397	-	4,986,321,132
Tại ngày 31/12/2024	2,741,057,220	826,813,123	297,904,081	-	3,865,774,424

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.994.135.522 VND (Tại ngày 31/12/2023: 9.112.427.890 VND)

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
<i>Nguyên giá</i>		
Số dư ngày 01/01/2024	97,500,000	97,500,000
Số dư ngày 31/12/2024	97,500,000	97,500,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Số dư ngày 01/01/2024	97,500,000	97,500,000
Số dư ngày 31/12/2024	97,500,000	97,500,000
<i>Giá trị còn lại</i>		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 97.500.000 VND (Tại ngày 31/12/2023 là: 97.500.000 đồng)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công trình xây dựng khách sạn Hoa Sim (*)	-	635,490,455
Công trình nhà hàng Hoa Sim	25,000,000	-
Cộng	25,000,000	635,490,455

(*) Xử lý chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công trình xây dựng khách sạn Hoa Sim theo Nghị quyết số 09a/NQ-HDQT của Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn ngày 27/4/2024.

11. Chi phí trả trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	28,749,291	-
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	28,749,291	-
b) Dài hạn	6,105,343,733	2,634,238,724
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1,099,400,155	1,604,369,236
Chi phí sửa chữa khách sạn Hoa Sim	4,320,526,403	-
Chi phí sửa chữa khác	685,417,175	1,029,869,488
Cộng	6,134,093,024	2,634,238,724

12. Phải trả người bán

	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Hà Thị Quỳnh	-	-	79,867,000	79,867,000
La Văn Truyền	-	-	59,997,000	59,997,000
Hoàng Thị Vệ	-	-	54,371,500	54,371,500
Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn	57,846,943	57,846,943	36,258,940	36,258,940
Đối tượng khác	3,000,000	3,000,000	182,225,000	182,225,000
Cộng	60,846,943	60,846,943	412,719,440	412,719,440

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Lê Quang Dũng	-	40,602,000
Sở Văn hoá thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn	18,000,000	-
Đối tượng khác	-	22,650,000
Cộng	18,000,000	63,252,000

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	331,159,458	820,057,528	861,088,512	290,128,474
Thuế tiêu thụ đặc biệt	62,778,235	381,244,862	394,994,520	49,028,577
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32,092,363	-	32,092,363	-
Thuế thu nhập cá nhân	26,522,632	5,295,622	29,680,966	2,137,288
Các loại thuế khác	-	20,428,876	20,428,876	-
Cộng	452,552,688	1,227,026,888	1,338,285,237	341,294,339
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	113,225,458	113,225,458
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	146,289,501	802,915,266	656,625,765	-
Cộng	146,289,501	802,915,266	769,851,223	113,225,458

Đơn vị tính: VNĐ

15. Phải trả khác

							31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Ngắn hạn</i>								
Kinh phí công đoàn							-	117,000
Bảo hiểm xã hội							5,698,180	5,581,180
Nhận ký quỹ ký cược							30,000,000	30,000,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác.							47,154,291	189,036,691
Cộng							82,852,471	224,734,871

16. Doanh thu chưa thực hiện

							31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Ngắn hạn</i>								
Doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh							217,575,758	217,424,243
Cộng							217,575,758	217,424,243

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính:
VND

Chỉ tiêu				Vốn góp của chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023				39,579,000,000			39,645,207,929
Lãi trong năm trước				-		66,207,929	437,111,034
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi						437,111,034 (50,000,000)	(50,000,000)
Trích quỹ Ban điều hành quản lý Công ty						(50,000,000)	(50,000,000)
Chia cổ tức				-		(495,206,818)	(495,206,818)
Số dư tại ngày 31/12/2023				39,579,000,000		(91,887,855)	39,487,112,145
Lỗ trong năm nay				-		(1,580,667,250)	(1,580,667,250)
Tăng khác (*)				-		805,023,758	805,023,758
Số dư tại ngày 31/12/2024				39,579,000,000		(867,531,347)	38,711,468,653

(*) Theo Nghị quyết số 12B/NĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn ngày 14/6/2024, Công ty hạch toán giảm Quỹ đầu tư phát triển tăng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Nguyễn Kim Thảo	7,843,010,000	7,843,010,000
Nguyễn Thị Tú Oanh	11,450,000,000	10,000,000,000
Nguyễn Văn Thanh	7,031,930,000	7,031,930,000
Đậu Trường Sinh	5,580,420,000	4,500,420,000
Các cổ đông khác	7,673,640,000	10,203,640,000
Cộng	39,579,000,000	39,579,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	39,579,000,000	39,579,000,000
Vốn góp đầu năm	39,579,000,000	39,579,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	39,579,000,000	39,579,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	495,206,818

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3,957,900	3,957,900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3,957,900	3,957,900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3,957,900	3,957,900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3,957,900	3,957,900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3,957,900	3,957,900

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2024
Quỹ đầu tư phát triển (*)	3,395,147,734	-	805,023,500	2,590,124,234
Cộng	3,395,147,734	-	805,023,500	2,590,124,234

(*) Giám Quỹ đầu tư phát triển Theo Nghị quyết số 12B/NĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn ngày 14/6/2024.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Tài sản thuê ngoài

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn:	7,792,746,367	8,280,378,039
Từ 1 năm trở xuống	487,631,672	487,631,672
Trên 1 năm đến 5 năm	1,950,526,688	1,950,526,688
Trên 5 năm	5,354,588,007	5,842,219,679

Chi phí thuê hoạt động thể hiện chi phí thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn như sau:

(1) Công ty được thuê đất tại đường Lương Văn Trí, đường Bắc Sơn, đường Thân Công Tài và Vị trí 2, phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Lạng Sơn; thời hạn thuê đất là 30 năm từ ngày 18/05/2021; mục đích sử dụng đất là Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh nhà hàng ăn uống)

(2) Công ty được thuê diện tích trên đường Trần Đăng Ninh, Phường Tam Thanh, Thành phố Lạng Sơn; thời hạn thuê đất là 30 năm kể từ ngày 30/8/1999; mục đích sử dụng đất thuê là xây dựng cơ sở giao dịch, kinh doanh

(3) Công ty được thuê đất tại đường Trần Hưng Đạo, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn; với thời hạn thuê đất là 50 năm từ ngày 25/10/2005 đến ngày 25/10/2055; mục đích sử dụng đất thuê là đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh khách sạn).

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	1,691,652,365	836,145,848
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16,448,211,876	16,891,165,939
Cộng	18,139,864,241	17,727,311,787

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán hàng	469,127,963	1,155,691,798
Giá vốn cung cấp dịch vụ	15,946,722,144	13,624,403,943
Cộng	16,415,850,107	14,780,095,741

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<i>a) Doanh thu hoạt động tài chính</i>		
Lãi tiền gửi	92,539,763	27,928,176
Tiền thu từ hợp tác kinh doanh	927,272,432	1,475,742,614
Cộng	1,019,812,195	1,503,670,790

b) Doanh thu tài chính đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

4. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác	16,953,400	1,487,869
Cộng	16,953,400	1,487,869

5. Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí phạt thuế	325,518,626	-
Chi phí dự án ngừng triển khai (*)	635,490,455	-
Xử lý hàng tồn kho bị hư hỏng	276,024,868	-
Chi phí khác	17,320,000	1,388,421
Cộng	1,254,353,949	1,388,421

(*) Là chi phí dừng triển khai dự án xây dựng Khách sạn Hoa Sim theo Nghị quyết số 09a/NQ-HDQT của Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn ngày 27/4/2024.

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>	48,790,387	884,615,271
Chi phí nhân viên	48,790,387	240,147,743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	599,296,152
Chi phí bằng tiền khác	-	45,171,376
<i>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	3,038,302,643	3,007,297,615

Chi phí nhân viên quản lý	1,890,054,477	1,666,594,554
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	147,550,157
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	162,288,316	222,061,368
Thuế, phí và lệ phí	19,428,876	84,479,047
Chi phí dự phòng	-	17,325,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	721,480,093	736,517,314
Chi phí bằng tiền khác	245,050,881	132,770,175
Cộng	3,087,093,030	3,891,912,886

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9,097,543,095	9,349,514,629
Chi phí nhân công	4,248,268,342	4,031,678,050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,120,546,708	1,218,761,002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,991,524,303	2,167,678,923
Chi phí khác bằng tiền	2,627,879,584	1,602,078,732
Cộng	19,085,762,032	18,369,711,336

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(1,580,667,250)	559,073,398
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	276,024,868	1,388,421
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(1,304,642,382)	560,461,819
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	112,092,364
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	9,870,000
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	-	121,962,364

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1,580,667,250)	437,111,034
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1,580,667,250)	437,111,034
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3,957,900	3,957,900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(399.37)	110.44

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng giám đốc
Công ty TNHH Thảo Viên	Công ty mà bà Nguyễn Kim Thảo là Giám đốc
Vũ Mộng Nương	Thành viên HĐQT
Đậu Trường Sinh	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT
Lê Văn Do	Kế toán trưởng
Đỗ Thu Huyền	Trưởng BKS
Bế Thị Thu Hương	Thành viên BKS
Nguyễn Mai Thương	Thành viên BKS

a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Thảo Viên	156,210,000	215,085,450
Thu tiền từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Thảo Viên	171,831,000	236,594,000
Thu tiền từ hoạt động hợp tác đầu tư		
Công ty TNHH Thảo Viên	17,752,434,206	7,500,000,000
b) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lương của Ban Giám đốc	277,415,781	353,246,156
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	96,000,000	96,000,000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát	57,600,000	57,600,000
Lương của kế toán trưởng	112,919,417	138,230,770
Cộng (*)	543,935,198	645,076,926

(*) Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2024
	VND
Tiền lương của Ban Giám đốc và người quản lý khác	
Đậu Trường Sinh Tổng giám đốc	155,715,622
Nguyễn Kim Thảo Phó Tổng giám đốc	121,700,159
Lê Văn Do Kế toán trưởng	112,919,417
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	
Nguyễn Kim Thảo Chủ tịch	36,000,000
Vũ Mộng Nương Thành viên	30,000,000
Đậu Trường Sinh Thành viên	30,000,000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát	
Đỗ Thu Huyền Trưởng BKS	21,600,000
Bé Thị Thu Hương Thành viên	18,000,000
Nguyễn Mai Thương Thành viên	18,000,000
Cộng	543,935,198

3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 đã được lấy theo thông tin thay đổi số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán, công bố ngày 5/4/2024 của Công ty.

Người lập biểu



Lê Văn Do

Lạng sơn, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Kế toán trưởng



Lê Văn Do

Tổng Giám đốc



Đậu Trường Sinh

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đậu Trường Sinh